

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4698/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác, Giáo dục trung học, Đào tạo với nước ngoài, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,

một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5625/TTr-SGDĐT ngày 03 tháng 10 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 10 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các tiêu chí, phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy trình số 3, 4, 5 ban hành kèm theo Quyết định số 3954/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022; quy

trình số 2, 3 ban hành kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019; quy trình số 2, 5, 19, 24, 27 ban hành kèm theo Quyết định số 5409/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019 và quy trình số 13 ban hành kèm theo Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

| STT | Tên quy trình nội bộ |
|---|---|
| Quy trình nội bộ được thay thế | |
| I. Các cơ sở giáo dục khác | |
| 1. | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa |
| 2. | Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa |
| 3. | Cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học |
| 4. | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học |
| 5. | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại |
| II. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác | |
| 6. | Thủ tục đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài |
| III. Giáo dục trung học | |
| 7. | Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ |
| IV. Đào tạo với nước ngoài | |
| 8. | Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |
| III. Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ | |
| 9. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc |

| | |
|-----|---|
| 10. | Thủ tục công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam |
|-----|---|

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 1

**Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và
hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|--|
| 1. | Tờ trình đề nghị cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nội dung tờ trình nêu rõ: mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, tổ chức bộ máy, tài chính và các nguồn lực khác; cam kết đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp quản lý nơi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. | 01 | Bản chính |
| 2. | Giấy phép đăng ký kinh doanh. | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu |
| 3. | Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về ban lãnh đạo, các giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. | 01 | Bản chính |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

| | | | |
|----|---|----|-----------|
| 4. | Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện. | 01 | Bản chính |
|----|---|----|-----------|

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|---|--|--------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Không |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC²

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|-----------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | <p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 |

² Thực hiện các bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|------------------------|----------------------------------|-----------------|-----------------|---|
| | | | | | <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục IBM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---|---|------------------|---|--|
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 07 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | - Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. - Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét. |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | ½ ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 2**

**Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống,
hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|----------------|
| 1. | Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 01 | Bản chính |
| 2. | Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | 01 | Bản chính |
| 3. | Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện. | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|---------------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ³ | Không |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

³ Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 05 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm : không có

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC⁴

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | <p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. |

⁴ Thực hiện các bước nào trong tổng quy trình: Bước 3(Phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|---|------------------|--|---|
| | | | | | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục IBM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 02 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <p>- Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có).</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét.</p> |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|----------------------------------|------------------|--|--|
| | | | | giải quyết TTHC | TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 3****Cấp giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học**

(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|--|
| 1. | Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học. | 01 | Bản chính |
| 2. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | 01 | Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu |
| 3. | Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học. | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|--------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ⁵ | Không |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC⁶ (ghi tên phòng cụ thể)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|---|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải |

⁵ Tổng số thời gian giải quyết theo quy định 15 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc

⁶ Thực hiện cắt bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|---|
| | | | | | <p>quyết hồ sơ theo BM 03</p> <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---|---|------------------|--|--|
| | | | | | từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 07 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | - Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. - Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét. |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | ½ ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|-------------------------|--|
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 4

Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|---|----------|-----------|
| 1. | Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học | 01 | Bản chính |
| 2. | Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học gồm các nội dung: Tên trung tâm, địa điểm đặt trung tâm, sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập trung tâm; mục tiêu, nhiệm vụ của trung tâm; chương trình giảng dạy, quy mô đào tạo; cơ sở vật chất của trung tâm; cơ cấu tổ chức của trung tâm, sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc trung tâm | 01 | Bản chính |
| 3. | Dự thảo nội quy tổ chức hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học. | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|--------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ⁷ | Không |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

⁷ Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 15 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | <p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và |

³ Thực hiện các bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|---|------------------|--|--|
| | | | | | <p>xử lý hồ sơ theo quy trình.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | 01 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 11 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <p>- Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có).</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét.</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|----------------------------------|------------------|--|---|
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |

| | | |
|----|-------|---|
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 5

Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|----------|-----------|
| 1. | Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|--------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ² | Không |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³ (ghi tên phòng cụ thể)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|---|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ |

1

2 Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 15 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

3 Thực hiện cắt bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|---|
| | | | | | <p>chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|---|---|---|--|---|
| | | | | | làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | 1/2 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 11.5 ngày làm việc (<i>đối với hồ sơ hợp lệ</i>) | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <p>Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, yêu cầu bổ sung: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B3.1 – B3.4.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B4.</p> <p>Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét</p> |
| | | | 2.5 ngày làm việc (<i>đối với hồ sơ có văn bản bổ sung</i>) | | |
| Trường hợp hồ sơ có văn bản đề nghị bổ sung | | | | | |
| B3.1 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán | 1/2 ngày làm việc | Dự thảo Văn bản yêu cầu tổ | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|--------------------------------|---|-------------------------------|------------------|--|--|
| | | bộ | | chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |
| B3.2 | Phê duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | - Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |
| B3.3 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B3.4 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa | Giờ hành chính | Văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Khi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo theo quy định, tiếp nhận và chuyển cho chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ để thực hiện tiếp Bước B3 thẩm định hồ sơ |
| Trường hợp hồ sơ hợp lệ | | | | | |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|-------------------------|--|
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số

điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 6

Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|----------|--|
| 1. | Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài | 01 | Bản chính |
| 2. | Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án; | 01 | Bản chính |
| 3. | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận. | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|---|---|---------------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ¹ | Không |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC²

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|-------------------------|---|
| | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| B1 | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Giờ hành chính | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 |

¹ Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

² Thực hiện cắt bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|---|
| | | | | | <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|---|---|--|---|---|
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục IBM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Tổ chức Cán bộ | 16.5 ngày làm việc <i>(đối với hồ sơ hợp lệ)</i> | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có). - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, yêu cầu bổ sung: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B3.1 - B3.4. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý, dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B4. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét |
| | | | 2.5 ngày làm việc <i>(đối với hồ sơ có văn bản bổ sung)</i> | | |
| Trường hợp hồ sơ có văn bản đề nghị bổ sung | | | | | |
| B3.1 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | ½ ngày làm việc | Dự thảo Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|--------------------------------|---|-------------------------------|-------------------|--|---|
| B3.2 | Phê duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | - Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |
| B3.3 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 1/2 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B3.4 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa | Giờ hành chính | Văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Khi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo theo quy định, tiếp nhận và chuyển cho chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ để thực hiện tiếp Bước B3 thẩm định hồ sơ hợp lệ |
| Trường hợp hồ sơ hợp lệ | | | | | |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|-------------------------|--|
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng

Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

- Thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC**QUY TRÌNH 7****Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ**

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 Tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------|---|
| 1. | Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 2. | Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa | 01 | Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính |
| 3. | Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính | 01 | Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính |
| 4. | Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn | 01 | Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính |
| 5. | Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ. Thông tin ghi trên các giấy tờ này phải phù hợp với đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | 01 | Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|---------------|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ² | Không |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|-------------------------|---|
| | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| B1 | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Giờ hành chính | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải |

² Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 05 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

³ Thực hiện cắt bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|----------------|---|
| | | | | | <p>quyết hồ sơ theo BM 03</p> <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|-----------------------|---|--|-------------------|--|--|
| | | | | | từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | 2.5 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | ½ ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--|----------------------------------|---------------|----------------|--|
| | | | | | và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |
| 4. | BM 04 | Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bản tốt nghiệp <i>(Biểu mẫu mang tính chất tham khảo)</i> |
| 5. | BM 05 | Đơn đề nghị thay đổi nội dung hộ tịch trong văn bản – học bạ <i>((Biểu mẫu mang tính chất tham khảo)</i> |
| 6. | BM 06 | Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung trên chứng chỉ <i>(Biểu mẫu mang tính chất tham khảo)</i> |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên

thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BM04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỈNH SỬA NỘI DUNG BẰNG TỐT NGHIỆP

Kính gửi : - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông.....

Tôi tên là: Giới tính:

Sinh ngày: Nơi sinh:

Nguyên là học sinh lớp 12 tại trường:

Địa chỉ thường trú (Tạm trú):.....

Nay tôi làm đơn này, kính đề nghị quý cơ quan điều chỉnh nội dung trong văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, hệ đào tạo

Từ

Thành

Với lý do

.....

.....

.....

Để tiện việc

Rất mong được quý cơ quan xem xét chấp thuận, xin chân thành cảm ơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN NHÀ TRƯỜNG

.....

.....

.....

.....

.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NỘI DUNG HỘ TỊCH
TRONG VĂN BẰNG – HỌC BẠ

Kính gửi : - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông

Tôi tên là: Giới tính:
Sinh ngày: Nơi sinh:
Nguyên là học sinh lớp 12 tại trường:
Địa chỉ thường trú (Tạm trú):
Số chứng minh nhân dân: Cấp tại:
Văn bằng tốt nghiệp: Số hiệu bằng:
Số báo danh: Hội đồng thi trường:
Khóa thi ngày tháng năm

Nay tôi làm đơn này, kính đề nghị quý cơ quan thay đổi cải chính hộ tịch trong hồ sơ học vụ; văn bằng, chứng chỉ với nội dung sau:

| Chi tiết cần thay đổi | Nội dung trước đây | Nội dung đề nghị chỉnh sửa |
|------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| Họ và tên | | |
| Ngày, tháng, năm | | |
| Nơi sinh | | |

Với lý do

.....

.....

.....

Để tiện việc

Rất mong được quý cơ quan xem xét chấp thuận, xin chân thành cảm ơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN NHÀ TRƯỞNG

.....

.....

.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

BM06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHỈNH SỬA NỘI DUNG TRÊN CHỨNG CHỈ

Kính gửi : - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;

Tôi tên là: Giới tính: Nam Nữ
 Sinh ngày: Nơi sinh:.....
 Nguyên là học sinh trường/ trung tâm/ Thí sinh tự do:.....
 Địa chỉ thường trú (Tạm trú) / Điện thoại:.....
 Số chứng minh nhân dân: Ngày cấp: Cấp tại:
 Loại chứng chỉ: Tin học ứng dụng Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung), Trình độ: A B C
 Số báo danh:..... Hội đồng kiểm tra:
 Kỳ kiểm tra ngày tháng năm

Nay tôi làm đơn này, kính đề nghị quý cơ quan chỉnh sửa trên chứng chỉ với nội dung sau:

| Chi tiết cần thay đổi | Nội dung trước đây | Nội dung đề nghị chỉnh sửa |
|------------------------|--------------------|----------------------------|
| Họ và tên | | |
| Ngày, tháng, năm | | |
| Nơi sinh | | |
| Chi tiết khác (Nếu có) | | |

Với lý do

Xin chân thành cảm ơn, rất mong được quý cơ quan xem xét chấp thuận,.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 8

**Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo,
bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non;**

cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|--|
| 1. | Đơn đăng ký hoạt động giáo dục theo Mẫu số 16 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. | 01 | Bản chính |
| 2. | Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu |
| 3. | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính đối chiếu |
| 4. | Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài | 01 | Bản chính |
| 5. | Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện. | 01 | Bản chính |
| 6. | Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở giáo dục phổ thông đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37, 38 của Nghị | 01 | Bản chính/Bản sao có chứng thực hoặc bản |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

| | | |
|---|--|------------------------------------|
| <p>định số 86/2018/NĐ-CP, đồng thời gửi kèm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách Hiệu trưởng (Giám đốc), Phó Hiệu trưởng (Phó Giám đốc), trưởng các khoa, phòng, ban và kế toán trưởng; - Danh sách và lý lịch cá nhân của cán bộ, giáo viên (cơ hữu, thỉnh giảng); - Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo; - Chương trình, kế hoạch giảng dạy, tài liệu học tập, danh mục sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chính; - Đối tượng tuyển sinh, quy chế và thời gian tuyển sinh; - Quy chế đào tạo; - Quy mô đào tạo (học sinh, học viên); - Các quy định về học phí và các loại phí liên quan; - Quy định về kiểm tra, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo; - Mẫu văn bằng, chứng chỉ sẽ được sử dụng. | | <p>sao kèm bản chính đối chiếu</p> |
|---|--|------------------------------------|

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|--------------|
| <p>- Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p> | <p>20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ²</p> | <p>Không</p> |

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|--------------------|------------------|-----------|----------------|-----------------------------|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |

² Tổng số thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

³ Thực hiện cắt bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|-----------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|---|
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Giờ hành chính | BM 01 BM 02 BM 03 | <p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|--|--|--|---|
| | | | | | <p>nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Tổ chức Cán bộ (TCCB) | <p>16.5 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ)</p> <p>2.5 ngày làm việc (đối với hồ sơ có văn bản bổ sung)</p> | Theo mục I BM 01 Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung/kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối (nêu rõ lý do) | <p>Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Công chức thụ lý hồ sơ phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tham gia thẩm định hồ sơ (nếu có).</p> <p>– Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, yêu cầu bổ sung: dự thảo văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp các bước từ B3.1 – B3.4.</p> <p>– Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: chuyên viên thụ lý dự thảo kết quả, thực hiện tiếp từ B4.</p> <p>Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|--|---|-------------------------------|------------------|--|--|
| | | | | | xem xét |
| Trường hợp hồ sơ có văn bản đề nghị bổ sung | | | | | |
| B3.1 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | ½ ngày làm việc | Dự thảo Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |
| B3.2 | Phê duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ | - Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ |
| B3.3 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | ½ ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B3.4 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Một cửa | Giờ hành chính | Văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ | - Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. - Khi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo theo quy định, tiếp nhận và chuyển cho chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ để thực hiện tiếp Bước B3 thẩm định hồ sơ hợp lệ. |
| Trường hợp hồ sơ hợp lệ | | | | | |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Hồ sơ/Biểu mẫu | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|--|--|
| | | | | TTHC | |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |
| 4. | BM 04 | Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài. |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |

| | | |
|----|---|---|
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |
|----|---|---|

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

BM04

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... .. tháng... .. năm... ..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

Kính gửi:(3).....

Cơ sở giáo dục:(4).....

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Tel: Fax: Email:.....

Được thành lập theo Quyết định số:... của ... ngày ... tháng ... năm ...

Xin đăng ký cấp phép hoạt động giáo dục với các nội dung chính như sau:

1. Người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục:

- Ngày sinh: Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu (hoặc CMND):.....

- Ngày cấp: Nơi cấp:.....

- Nơi đăng ký tạm trú tại Việt Nam:

2. Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục:

- Ngày sinh: Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu (hoặc CMND):.....

- Ngày cấp: Nơi cấp:.....

- Nơi đăng ký tạm trú tại Việt Nam:.....

3. Địa điểm hoạt động:

4. Nội dung hoạt động giáo dục:

5. Văn bằng/chứng chỉ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn xin đăng ký cho phép hoạt động và tài liệu kèm theo.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

**Đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục
có vốn đầu tư nước ngoài**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

-

-

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản (nếu có);
- (2) Tên cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài;
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục;
- (4) Tên cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đã được phép thành lập tại Việt Nam.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 09

Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc

*(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|----|--|----------|--------------------------------------|
| 1. | Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ, trong đó cung cấp các thông tin về văn bằng, chứng chỉ đã được cấp (theo mẫu) | 01 | Bản chính |
| 2. | Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; | 01 | Bản chính hoặc bản sao có chứng thực |
| 3. | Giấy ủy quyền (đối với người được ủy quyền) hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ là: - Người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền. - Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác | 01 | Bản sao chứng thực |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|--|---|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: https://dichvucong.hochiminhcity.g | - Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều ² - Đối với trường hợp | 6.000 đồng/phôi bằng +2.000 đồng/ bản sao |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

² Tổng số thời gian giải quyết theo quy định : ngay trong ngày làm việc hoặc trong ngày tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 3h; thời gian đã cắt giảm: không có

| | | |
|-------|--|--|
| ov.vn | cùng một lúc yêu cầu cấp bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bằng, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan tiếp nhận yêu cầu cấp bản sao không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao | |
|-------|--|--|

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC²

1. Đối với hồ sơ bình thường

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: |

² Thực hiện các bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|--|
| | | | | | <p>Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|---|------------------------|--|---|
| | | | | | <p>dẫn đầy đủ, cụ thể đề tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu => thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | 15 phút làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Chuyên viên Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | 3 giờ 45 phút làm việc | Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <p>Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét</p> |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng | 15 phút làm việc | <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|--|--|
| | | giáo dục | | | trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 30 phút làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 15 phút làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

2. Đối với hồ sơ phức tạp (không quá 2 ngày làm việc)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|-----------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|---|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|--|
| | | | | | <p>bước B2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|---|------------------------|---|---|
| | | | | | <p>chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | 15 phút làm việc | Theo mục I BM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Chuyên viên Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | 6 giờ 45 phút làm việc | Theo mục I BM 01 Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <p>Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét</p> |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Khảo thí và Kiểm định chất | 15 phút làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|--|--|
| | | lượng giáo dục | | | TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 30 phút làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 15 phút làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |
| 4. | BM 04 | Mẫu phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bằng (<i>biểu mẫu có tính chất tham khảo</i>) |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận |

| | | |
|----|---|---|
| | | Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

- Công văn số 7593/BGDĐT-VP ngày 31 tháng 8 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo giá văn bằng, chứng chỉ áp dụng từ tháng 9/2009.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHIẾU YÊU CẦU CẤP BẢN SAO VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ***(Biểu mẫu có tính chất tham khảo)*Tôi tên: Giới tính: ..Nam.. ..Nữ.

Sinh ngày: Nơi sinh:

Dân tộc (căn cứ trên giấy khai sinh):

Đã học lớp 12 tại trường: Quận, huyện:

Đã tốt nghiệp kỳ thi THPT; Bổ túc THPT

Khóa thi: Tại Hội đồng thi:

Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu: Ngày và nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Số lượng bản sao xin cấp:

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng.... năm 20.....***Người viết phiếu**
(Ký và ghi rõ họ tên)

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 10

Thủ tục công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam
(Ban hành kèm Quyết định số 4698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

| TT | Tên hồ sơ | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------|---|
| 1. | Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (Mẫu 1 kèm theo) | 01 | Bản chính |
| 2. | Văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt và bản sao văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp | 01 | Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp |
| 3. | Bản sao phụ lục văn bằng hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt; | 01 | Bản sao chứng thực |
| 4. | Minh chứng thời gian học ở nước ngoài (nếu có) | 01 | Bản sao chứng thực |
| 5. | Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng (nếu cơ sở giáo dục cấp bằng yêu cầu). | 01 | Bản chính |

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả | Thời gian xử lý | Lệ phí |
|--|---|---|
| - Bộ phận Một cửa - Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 66-68 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1). | - 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ² | -Xác minh để công nhận văn bằng của người |

¹ Thành phần hồ sơ nào đã được bãi bỏ: Không có

² Tổng số thời gian giải quyết theo quy định 20 ngày làm việc; thời gian đã cắt giảm: không có

| | | |
|---|---|---|
| <p>- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p> | <p>- Trường hợp cần xác minh thông tin về văn bằng từ cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc đơn vị xác thực nước ngoài, thời hạn trả kết quả công nhận văn bằng không vượt quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ công nhận văn bằng.</p> | <p>Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp (bao gồm cả chương trình liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng) là 250.000 đồng/văn bằng;</p> <p>-Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài hợp pháp cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở nước ngoài là 500.000 đồng/văn bằng.</p> |
|---|---|---|

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC³

1. Trường hợp không xác minh thông tin (20 ngày làm việc)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|--------------------------|----------------|-------------------------|---|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: |

³ Thực hiện các bước nào trong tổng quy trình: Bước 3 (phân công thụ lý hồ sơ)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|---|
| | | kết quả | | | <p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|--|------------------|--|---|
| | | | | | <p>nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục IBM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | 17 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | <ul style="list-style-type: none"> - Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét. |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Khảo thí | ½ ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|-----------------------------------|------------------|--|--|
| | | và Kiểm định chất lượng giáo dụcS | | kết quả giải quyết TTHC | dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

2. Trường hợp cần xác minh thông tin (40 ngày làm việc)

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|-----------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|--|
| B1 | Nộp hồ sơ | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I | Thành phần hồ sơ theo mục I |
| | Kiểm tra hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | | BM 01 BM 02 BM 03 | Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|--|
| | | | | | <p>dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|--|------------------|--|---|
| | | | | | => thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật. |
| B2 | Tiếp nhận hồ sơ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | ½ ngày làm việc | Theo mục IBM 01 | Tiếp nhận hồ sơ và chuyển công chức thụ lý hồ sơ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục |
| B3 | Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC | Công chức thụ lý hồ sơ Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | 37 ngày làm việc | Theo mục I BM 01 - Phiếu trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | - Công chức thụ lý hồ sơ căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Phòng xem xét. |
| B4 | Xem xét, trình ký | Lãnh đạo Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục | ½ ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC | Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, phê duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo Sở |
| B5 | Ký duyệt | Lãnh đạo Sở | 01 ngày làm việc | - Hồ sơ trình - Kết quả giải quyết | Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC. |

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải |
|----------------|---|----------------------------------|------------------|-------------------------|--|
| | | | | TTHC | |
| B6 | Ban hành văn bản | Văn thư Sở | 01 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả. |
| B7 | Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả | Theo giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi. |

IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu |
|----|---------|---|
| 1. | BM 01 | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả |
| 2. | BM 02 | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ |
| 3. | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ |
| 4. | BM 04 | Mẫu Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp |
| 5. | BM 05 | Mẫu Giấy công nhận văn bằng giáo dục phổ thông |

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Hồ sơ lưu |
|----|---------|--|
| 1. | BM 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 2. | BM 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 3. | BM 03 | Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có - lưu tại Bộ phận Một cửa) |
| 4. | / | Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành |

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

- Thông tư số 164/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam.

- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**MẪU PHIẾU ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG
DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP**

BM04

*(Kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN VĂN BẰNG DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP**

I. THÔNG TIN CỦA NGƯỜI CÓ VĂN BẰNG/CHỨNG NHẬN

Họ và tên (người có văn bằng/chứng nhận):

Sinh ngày ... tháng.... năm..... Giới tính:

Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

cấp ngày ... tháng ... năm; nơi cấp

Địa chỉ liên hệ:

Đơn vị công tác, địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

II. THÔNG TIN VĂN BẰNG/CHỨNG NHẬN

Trình độ đào tạo:

Tên cơ sở cấp văn bằng/chứng nhận:

Tên cơ sở thực hiện đào tạo (nếu khác với cơ sở cấp văn bằng/chứng nhận):

Văn bằng/chứng nhận cấp ngày ... tháng... năm.....; Số hiệu văn bằng/chứng nhận (nếu có):

Hình thức học (du học, liên kết, trực tuyến,...):

Thời gian đào tạo (ghi cụ thể thời gian đào tạo tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở cấp văn bằng):

Ngành/chuyên ngành đào tạo (nếu có):

III. MINH CHỨNG XÁC THỰC VĂN BẰNG

Ghi chú: Nếu đề nghị công nhận từ 02 văn bằng/chứng nhận trở lên, ghi rõ nội dung của mục II theo từng văn bằng/chứng nhận.

BM05

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CÔNG NHẬN

.....(3)

CÔNG NHẬN

Văn bằng/chứng nhận của(4)

Số hiệu:(5) ; cấp ngày... tháng...năm..... cho:

Ông/Bà:(6)

Sinh ngày... tháng năm..... Do đào tạo (7)

Là văn bằng/chứng nhận:(8)

Ngành/chuyên ngành đào tạo:(9)

Thời gian đào tạo/tín chỉ:(10)

Hình thức đào tạo:(11)

Nhận xét (12)

Địa chỉ cổng thông tin điện tử truy cập để kiểm tra:

.....(13)

.... (14), ngày... tháng... năm...

.....(15)

Số vào sổ cấp giấy công nhận:...(16)